

Bản án số: 242/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hồ.

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 586/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1981;

Số CCCD: 083181002788;

Nơi đăng ký thường trú: Số B, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Địa chỉ liên hệ: Ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn: Ông Võ Thành P, sinh năm: 1979;

Số CCCD: 083079015312;

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2026, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc T và ông Võ Thành P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 15/5/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường gây gổ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Bà T và ông P đã không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2026 đến nay.

Nay bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành P. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thúy N, sinh ngày: 29/3/2007 và Võ Nhựt H, sinh ngày: 16/6/2011. Hiện nay, con chung tên Võ Nhựt H đang sống chung với bà T, bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Võ Nhựt H và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, đối với con chung tên Võ Thúy N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung: không có; về nợ chung: không có. Do bận công việc, không có thời gian đến Tòa án nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà, bà T cam kết không khiếu nại gì về việc vắng mặt này.

Ông Võ Thành P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông P không đến Tòa án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không chấp hành đúng quy định. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T. Về con chung: giao con chung tên Võ Nhựt H, sinh ngày: 16/6/2011 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, đối với con chung tên Võ Thúy N đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét. Về án phí sơ thẩm: bà T phải chịu là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành P, yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, ông P có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Võ Thành P xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 15/5/2007 nên hôn nhân của bà T và ông P là hợp pháp. Bà T cho rằng, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Vụ việc đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, đồng thời ông P cũng không đến Tòa án để cùng hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P thực tế có xảy ra và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Võ Thúc N, sinh ngày: 29/3/2007 và Võ Nhựt H, sinh ngày: 16/6/2011, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Nhựt H và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu H đang sống chung với bà T và được nuôi dạy, phát triển bình thường, đồng thời theo nguyện vọng của cháu H muốn được ở với mẹ nên việc giao cháu H cho bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc T đối với ông Võ Thành P. Bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Thành P. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thúy N, sinh ngày: 29/3/2007 và Võ Nhựt H, sinh ngày: 16/6/2011. Giao con chung tên Võ Nhựt H cho bà Trần Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà Trần Thị Ngọc T không yêu cầu ông Võ Thành P cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Võ Thúy N đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Võ Thành P được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Ngọc T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Trần Thị Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số 0011706 ngày 15/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà T đã nộp xong án phí.

5/ Bà Trần Thị Ngọc T, ông Võ Thành P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thi

